

Số: 05/KH-STP

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 01 năm 2022

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2022 và các năm tiếp theo
của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; căn cứ Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh về phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tuyên Quang năm 2022; thực hiện Thông báo số 02/TB-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh thông báo kết luận giao nhiệm vụ tại cuộc họp của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, Sở Tư pháp xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 và các năm tiếp theo của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA ĐƠN VỊ

1. Môi trường pháp lý

Sở Tư pháp đã xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 05/12/2021 về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Ban hành theo thẩm quyền Quyết định số 193/QĐ-STP ngày 11/11/2020 về việc ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 196/QĐ-STP ngày 11/11/2020 về việc ban hành Quy chế Quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống một cửa điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang và 07 Kế hoạch¹ triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

¹ (1) Quyết định số 100/QĐ-STP ngày 18/6/2019 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025; (2) Kế hoạch số 30/KH-STP ngày 29/7/2020 về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/0/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; (3) Kế hoạch số 34/KH-STP ngày 16/9/2020 về ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2025; (4) Kế hoạch số 35/KH-STP ngày 21/9/2020 về ứng dụng công nghệ thông tin năm 2021; (5) Kế hoạch số 43/KH-STP ngày 30/9/2021 về thực hiện hiện Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 22/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025; (6) Quyết định số 247/QĐ-STP ngày 23/11/2021 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Tư pháp

2. Hạ tầng kỹ thuật

Sở Tư pháp hiện nay có 04 mạng LAN (01 mạng LAN tại khối Văn phòng Sở, 03 mạng LAN tại 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở); 74 máy tính (55 máy tính để bàn, 18 máy tính xách tay, 01 máy chủ). 70/74 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet (04 máy không kết nối mạng vì lý do an ninh); 04 đường truyền internet với tổng lưu lượng 210Mbps, trụ sở làm việc của khối Văn phòng Sở và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc được phủ sóng mạng không dây (Wifi) đảm bảo vùng phủ sóng và tốc độ mạng cho các phần mềm ứng dụng của Ngành Tư pháp hoạt động ổn định. Mạng wifi được phân tách lớp mạng nhằm bảo đảm an toàn thông tin.

Sở Tư pháp được tỉnh đầu tư 01 hệ thống họp trực tuyến kết nối với phòng họp trực tuyến của tỉnh thông qua đường truyền số liệu chuyên dùng. Hiện nay, hệ thống này vẫn hoạt động ổn định, đảm bảo chất lượng các cuộc họp trực tuyến. Ngoài hệ thống họp trực tuyến của tỉnh trang bị, Sở Tư pháp còn thuê giải pháp họp trực tuyến trên đường truyền internet của VNPT Tuyên Quang để phục vụ cho các cuộc họp trực tuyến của ngành.

3. Các ứng dụng/dịch vụ CNTT đang triển khai, thực hiện tại đơn vị

Sở Tư pháp hiện đang sử dụng 15 ứng dụng/dịch vụ CNTT trong quản lý, chỉ đạo điều hành công việc và giải quyết thủ tục hành chính tại Sở Tư pháp, gồm:

TT	Tên phần mềm/ứng dụng	Chức năng chính	Ghi chú
1	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Quản lý văn bản đi, đến; quản lý, điều hành công việc	Do UBND tỉnh triển khai
2	Hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến - một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Do UBND tỉnh triển khai
3	Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tuyên Quang	Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức	Do UBND tỉnh triển khai
4	Phần mềm Kế toán	Thực hiện nghiệp vụ kế toán	Do UBND tỉnh triển khai
5	Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung	quản lý, tra cứu, cấp phiếu lý lịch tư pháp	Do Bộ Tư pháp triển khai
6	Phần mềm dịch vụ cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến	Đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến	Do Bộ Tư pháp triển khai
7	Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm	Cập nhật, tra cứu nội dung,	Do Bộ Tư pháp

TT	Tên phần mềm/ứng dụng	Chức năng chính	Ghi chú
	pháp luật tỉnh Tuyên Quang thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật	thuộc tính của văn bản quy phạm pháp luật	triển khai
8	Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch	Quản lý, thực hiện các thủ tục hành chính về hộ tịch	Do Bộ Tư pháp triển khai
9	Phần mềm công cụ quản lý hồ sơ quốc tịch cho Sở Tư pháp	Quản lý, thực hiện các thủ tục hành chính về hộ tịch	Do Bộ Tư pháp triển khai
10	Hệ thống phần mềm quản lý thông tin đấu giá tài sản	Cập nhật, tra cứu các thông tin về đấu giá tài sản như: Thông tin cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá; thông tin tổ chức đấu giá tài sản; thông tin đấu giá viên, thông tin cấp Thẻ đấu giá viên; thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; thông báo công khai việc đấu giá tài sản	Do Bộ Tư pháp triển khai
11	Phần mềm quản lý thông tin công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng	Cập nhật, tra cứu các thông tin về công chứng viên và các tổ chức hành nghề công chứng như: thông tin tập sự hành nghề công chứng; thông tin bổ nhiệm công chứng viên; thông tin hành nghề công chứng và cấp Thẻ hành nghề công chứng viên; thông tin tổ chức hành nghề công chứng	Do Bộ Tư pháp triển khai
12	Phần mềm quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý	Cập nhật, tra cứu các thông tin về tổ chức và hoạt động của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, quản lý hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý	Do Bộ Tư pháp triển khai
13	Phần mềm thống kê Ngành Tư pháp	tổng hợp, báo cáo, theo dõi số liệu thống kê ngành tư pháp	Do Bộ Tư pháp triển khai
14	Hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng và thông tin ngăn chặn	Cập nhật, tra cứu, quản lý hồ sơ công chứng; thông tin ngăn chặn phục vụ hoạt động công chứng	Do Sở Tư pháp triển khai
15	Hệ thống phần mềm quản lý chứng thực tỉnh Tuyên Quang	Cập nhật, tra cứu, quản lý hồ sơ chứng thực các hợp đồng, giao dịch	Do Sở Tư pháp triển khai

4. Nguồn nhân lực: Sở Tư pháp bố trí 01 công chức có trình độ Đại học chuyên ngành toán - tin phụ trách công nghệ thông tin của Sở

5. Đảm bảo an toàn, thông tin

- 100% máy tính của Sở Tư pháp được cài đặt phần mềm quét virus có bản quyền. 100% máy tính trong mạng nội bộ sử dụng tường lửa, bật chế độ mã hóa

truy cập. Mạng wifi được phân tách thành các lớp mạng phục vụ truy cập nội bộ và cho khách nhằm bảo đảm an toàn thông tin.

- 100% tài khoản người dùng trên các hệ thống thông tin của Sở Tư pháp quản lý, sử dụng an toàn, định kỳ đổi mật khẩu. Công chức, viên chức khi nghỉ chế độ, chuyển công tác, thôi việc sẽ bị khóa ngay tài khoản đã được cấp.

- Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trang thông tin điện tử của Sở được sao lưu định kỳ.

6. Khó khăn, hạn chế, nguyên nhân

6.1. Một số phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tư pháp hoạt động còn chưa ổn định, chưa thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh, dẫn đến khó khăn cho hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, ảnh hưởng đến quá trình sử dụng của người dân, doanh nghiệp

6.2. Cổng dịch vụ công trực tuyến/hệ thống một cửa điện tử của tỉnh còn chưa kết nối, liên thông được với các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tư pháp do Bộ Tư pháp cung cấp để phục vụ việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tư pháp (Phần mềm dịch vụ cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch...); chưa kết nối, liên thông được với các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính liên thông (cơ sở dữ liệu của ngành công an...) dẫn đến khó khăn cho cơ quan giải quyết cũng như người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính này.

6.3. Phần mềm quản lý văn bản và điều hành hoạt động chưa ổn định, thường xuyên gặp một số lỗi như: hệ thống không truy cập được; giới hạn số lượng người cùng lúc truy cập, chỉnh sửa văn bản; thay đổi định dạng văn bản đã được tải lên; các tài khoản của các đơn vị sự nghiệp không thực hiện được đồng thời quy trình tiếp nhận, phát hành văn bản đi (đối với các văn bản do đơn vị sự nghiệp ký ban hành) với quy trình tiếp nhận, trình Lãnh đạo Sở duyệt phát hành văn bản đi (đối với các văn bản do đơn vị sự nghiệp soạn thảo, trình Lãnh đạo Sở duyệt ký ban hành)...

6.4. Việc triển khai thực số hóa cơ sở dữ liệu ngành tư pháp (số hóa sổ hộ tịch điện tử; số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính) còn chậm hoặc chưa thực hiện được do kinh phí được cấp còn ít hoặc chưa được cấp, cụ thể:

(1) *Đối với công tác số hóa sổ hộ tịch điện tử:* Theo lộ trình số hóa sổ hộ tịch quy định tại Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh thì từ năm 2020 đến năm 2025 phải thực hiện xong việc số hóa toàn bộ sổ hộ tịch với tổng số 10.390 quyển, Sở Tư pháp đã lập dự toán kinh phí thực hiện với **tổng kinh phí khoảng 6,6 tỷ đồng**. Tuy nhiên, năm 2021 Sở Tư pháp được cấp 500 triệu đồng, năm 2022 được cấp 500 triệu đồng để tổ chức thực hiện công tác này, mới chỉ đáp ứng được 15,2%, **còn thiếu 5,6 tỷ đồng**, không đáp ứng được lộ trình thực hiện số hóa sổ hộ tịch theo Kế hoạch số 110/KH-UBND tỉnh đã đề ra đến năm 2025 phải hoàn thành.

(2) *Đối với công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, Sở Tư pháp đã thực hiện rà soát, thống kê và đề xuất nhu cầu số hóa, lưu trữ kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự toán toán trình UBND đề nghị cấp bổ sung kinh phí thực hiện với tổng số tiền **2.721.462.000 đồng** (Tờ trình số 88/TTr-STP ngày 05/10/2021). Tuy nhiên, Sở Tài chính chưa thẩm định do "*nội dung khối lượng kết quả giải quyết TTHC yêu cầu số hóa của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 88/TTr-STP ngày 05/10/2021 chưa có ý kiến đánh giá tổng hợp của Sở Thông tin và Truyền thông về khối lượng kết quả giải quyết TTHC theo tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp, đáp ứng yêu cầu dữ liệu cần khai thác tại Kho quản lý dữ liệu điện tử để làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định và Sở Thông tin*" và "*Sở Thông tin và Truyền thông chưa xây dựng được Kho quản lý dữ liệu điện tử và các chức năng liên quan đến công tác số hóa, lưu trữ kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh, phục vụ triển khai số hóa kết quả giải quyết TTHC của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh*". Đến thời điểm hiện tại tại Sở Thông tin và Truyền thông vẫn chưa xây dựng xong Kho quản lý dữ liệu điện tử và các chức năng liên quan đến công tác số hóa, lưu trữ kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh do đó chưa có các chỉ tiêu chính xác về tiêu chuẩn, điều kiện dữ liệu đầu vào để lập dự toán theo yêu cầu của Sở Tài chính.

7. Đề xuất, kiến nghị

7.1. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông:

- Phối hợp với VNPT Tuyên Quang khẩn trương thực hiện việc tích hợp, kết nối liên thông Công dịch vụ công trực tuyến/hệ thống một cửa điện tử của tỉnh với các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tư pháp theo đúng hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại các Văn bản 72/CNTT-HTTT&CSDL ngày 05/02/2018 về việc kết nối hệ thống thông tin với Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung; Văn bản số 2823/BTP-CNTT ngày 29/7/2019 về việc kết nối, liên thông dữ liệu hộ tịch; Văn bản số 2636/BTP-CNTT ngày 21/7/2020 về việc hướng dẫn triển khai tích hợp một số dịch vụ công của ngành Tư pháp lên Công Dịch vụ công Quốc gia.

- Phối hợp với VNPT Tuyên Quang hoàn thiện, nâng cấp, khắc phục lỗi của Phần mềm quản lý văn bản và điều hành

- Hoàn thành xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử và các chức năng liên quan đến công tác số hóa, lưu trữ kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử trên Công Dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đồng thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị về khối lượng, tiêu chuẩn, điều kiện dữ liệu đầu vào để lập dự toán, trình UBND tỉnh cấp kinh phí thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh về việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020-2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

7.2. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Tham mưu UBND tỉnh cấp đủ kinh phí để đảm bảo thực hiện việc số hóa sổ hộ tịch điện tử theo đúng lộ trình đã được đề ra tại Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đồng thời thẩm định, tham mưu UBND tỉnh cấp đủ kinh phí để triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2022 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 22/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 402-KH/TU ngày 26/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

- Luật An toàn thông tin mạng 19/11/2015;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 682/QĐ-BTP ngày 07/5/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và

bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Ngành Tư pháp giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 983/QĐ-BTP ngày 10/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch Chuyên đổi số Ngành tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện số hóa sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2020 - 2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

- Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh về lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh về phát triển thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh về phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tuyên Quang năm 2022;

- Thông báo số 02/TB-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh thông báo kết luận giao nhiệm vụ tại cuộc họp của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh

2. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước của Sở Tư pháp; thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và điều hành của Sở Tư pháp, xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối đồng bộ với việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang; tạo môi trường thuận lợi, thân thiện cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số của Sở

3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Mục tiêu năm 2022:

- Duy trì, đảm bảo 100% văn bản trao đổi giữa Sở Tư pháp với các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số (trừ văn bản mật theo quy định).

- Duy trì, đảm bảo 100% hồ sơ công việc tại Sở Tư pháp được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)

- Thực hiện đầy đủ các loại báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, của Bộ Tư pháp theo quy định.

- Đẩy mạnh việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến.

- Phấn đấu 30% hoạt động giám sát, kiểm tra của Sở Tư pháp được thực hiện thông qua các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tư pháp.

- Phấn đấu 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Phấn đấu tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp đạt từ 50% trở lên; tối thiểu 85% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tư pháp.

- Phần đầu 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- 100% công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin; được đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin.

3.2. Mục tiêu đến năm 2025

- 100% thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tư pháp đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và sử dụng được trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Cung cấp dữ liệu mở về hoạt động của ngành Tư pháp; xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của ngành Tư pháp; kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); triển khai hệ thống xác thực tập trung (SSO) theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Tiếp tục duy trì, đảm bảo 100% văn bản trao đổi giữa Sở Tư pháp với các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số (trừ văn bản mật theo quy định); 100% hồ sơ công việc tại Sở Tư pháp được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% chế độ báo cáo được tạo lập, cập nhật, lưu trữ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung theo quy định; tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của Sở Tư pháp được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của Sở Tư pháp.

- 100% công chức, viên chức ngành tư pháp được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% công chức, viên chức ngành tư pháp được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

3.3. Mục tiêu đến năm 2030

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tư pháp được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần; 100% người dân,

doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tư pháp.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung chuyên ngành tư pháp được kết nối, chia sẻ trong toàn tỉnh và với các cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh. Từng bước mở dữ liệu chuyên ngành tư pháp để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục duy trì, đảm bảo 100% hồ sơ công việc tại Sở Tư pháp được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); tối thiểu 70% hoạt động giám sát, kiểm tra của Sở Tư pháp được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của Sở Tư pháp.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức ngành tư pháp được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

4. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

4.1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

a) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với quá trình chuyển đổi số; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số. Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 402-KH/TU ngày 26/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; các nghị quyết, đề án của tỉnh về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin giai đoạn 2021 - 2025; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về tính tất yếu, sự cần thiết, lợi ích thiết thực cả trước mắt và lâu dài của chuyển đổi số, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện chuyển đổi số.

b) Hoàn thiện quy chế, quy định pháp lý tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số

- Thường xuyên rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế về việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Sở Tư pháp đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát, tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn tỉnh và khuyến khích, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng sử dụng các ứng dụng công nghệ số cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp.

c) Phát triển hạ tầng kỹ thuật và các nền tảng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

- Rà soát, đầu tư nâng cấp các trang thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng mạng nội bộ, mạng internet... đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ Sở Tư pháp, sẵn sàng kết nối, triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh.

- Duy trì hoạt động mạng nội bộ (LAN), máy chủ, máy trạm, thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, duy trì hoạt động ổn định của mạng LAN, máy chủ, máy trạm; dọn dẹp, sắp xếp có khoa học các dữ liệu lưu trong máy tính.

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển chính quyền số

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng các ứng dụng, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước tại Sở Tư pháp.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai tích hợp, kết nối liên thông các phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tư pháp với Công dịch vụ công tỉnh Tuyên Quang.

- Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa sổ hộ tịch điện tử theo lộ trình do UBND tỉnh quy định phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử toàn quốc.

- Triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp; số hóa hồ sơ lưu trữ, hồ sơ giải quyết công việc của Sở Tư pháp theo lộ trình do UBND tỉnh quy định.

- Triển khai xây dựng các ứng dụng, phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực tư pháp như: phần mềm quản lý luật sư, tư vấn viên pháp luật và các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật; cơ sở dữ liệu quản lý, số hóa, cập nhật thông tin về cá nhân, tổ chức giám định tư pháp; phần mềm đánh giá tình hình thi hành pháp luật; phần mềm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính; cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, hệ thống chứng thực điện tử... đảm bảo tích hợp, chia sẻ dữ liệu số với các cơ sở dữ liệu của tỉnh.

4.3. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các quy định về Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Rà soát, xác định cấp độ, xây dựng, đầu tư các trang thiết bị phục vụ triển khai phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin Sở Tư pháp theo cấp độ.

- Cài đặt phần mềm quét virus trên 100% máy chủ, máy trạm; thường xuyên rà soát, cập nhật các bản vá lỗi bảo mật trên các máy tính, tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn khi truy cập mạng nội bộ, internet đối với các máy tính thuộc khối văn phòng Sở; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh ngăn chặn, xử lý kịp thời các cuộc tấn công mạng.

5. Danh mục các nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số (có Danh mục các nhiệm vụ thực hiện Chuyển đổi số chi tiết kèm theo)

6. Kinh phí thực hiện

Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số: 26,1 tỷ đồng.

7. Tổ chức thực hiện

- Giao Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật chủ trì, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các phòng, đơn vị tổ chức triển khai Kế hoạch này; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Giám đốc Sở theo quy định.

- Giao Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị, cá nhân có liên quan tham mưu Lãnh đạo Sở bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Các phòng, đơn vị thuộc Sở, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở căn cứ nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả triển khai thực hiện gửi Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật tổng hợp.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/cáo);
 - Sở TTTT (P/hợp);
 - Giám đốc Sở;
 - Các PGĐ Sở;
 - Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
 - Các ĐVSN trực thuộc Sở;
 - Trang TTĐT STP (đăng tải);
 - Lưu: VT,VP.KXThành.
- (T/hiện)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

DANH MỤC

Nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số năm 2022 và các năm tiếp theo của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-STP ngày 14/01/2022 của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến	Dự kiến kinh phí thực hiện (triệu đồng)
1	Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Tuyên Quang thực hiện tích hợp, kết nối Cổng Dịch vụ công tỉnh với các hệ thống, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tư pháp	Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật	Các phòng, đơn vị thuộc sở	Năm 2022	Năm 2022	Cổng Dịch vụ công tỉnh được tích hợp, kết nối với các hệ thống, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tư pháp	
2	Đầu tư nâng cấp các trang thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng mạng nội bộ, mạng internet, thiết bị bảo đảm an toàn thông tin.	Văn phòng Sở	Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật	Năm 2022	Năm 2022	Các trang thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng mạng nội bộ, mạng internet, thiết bị bảo đảm an toàn thông tin... được nâng cấp, đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ Sở Tư pháp, sẵn sàng kết nối, triển khai các ứng dụng	1.000

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến	Dự kiến kinh phí thực hiện (triệu đồng)
						công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh	
3	Số hóa sổ hộ tịch điện tử phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử toàn quốc	Phòng Bổ trợ và hành chính tư pháp	Văn phòng Sở; Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật	Giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2025	Sổ hộ tịch điện tử được số hóa và cập nhật vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử	6.600
4	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	Năm 2022	Năm 2022	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp được số hóa và cập nhật vào Kho lưu trữ điện tử của tỉnh theo quy định	3.000
5	Số hóa hồ sơ công việc, tài liệu lưu trữ của Sở Tư pháp	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở	Giai đoạn 2022 - 2025	Giai đoạn 2022 - 2025	Hồ sơ công việc, tài liệu lưu trữ của Sở Tư pháp được số hóa và cập nhật vào Kho lưu trữ điện tử của tỉnh theo quy định	5.000
6	Xây dựng cơ sở dữ liệu xử phạt vi phạm hành chính tỉnh Tuyên Quang	Thanh tra Sở	Văn phòng Sở; Phòng Xây dựng, kiểm tra,	Giai đoạn 2023 - 2025	Giai đoạn 2023 - 2025	cơ sở dữ liệu xử phạt vi phạm hành chính tỉnh Tuyên Quang	5.000

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến	Dự kiến kinh phí thực hiện (triệu đồng)
			thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật				
7	Xây dựng phần mềm quản lý luật sư, tư vấn viên pháp luật và các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Thanh tra Sở	Văn phòng Sở; Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật	Giai đoạn 2022 - 2025	Giai đoạn 2022 - 2025	phần mềm quản lý luật sư, tư vấn viên pháp luật và các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	500
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý cá nhân, tổ chức giám định tư pháp	Phòng Bổ trợ và hành chính tư pháp	Văn phòng Sở; Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật	Giai đoạn 2022 - 2025	Giai đoạn 2022 - 2025	cơ sở dữ liệu quản lý cá nhân, tổ chức giám định tư pháp	500
9	Xây dựng phần mềm theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật	Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật	Văn phòng Sở	Giai đoạn 2022 - 2025	Giai đoạn 2022 - 2025	phần mềm theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật	500
10	Xây dựng phần mềm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật	Văn phòng Sở	Giai đoạn 2022 - 2025	Giai đoạn 2022 - 2025	Phần mềm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm	500

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm dự kiến	Dự kiến kinh phí thực hiện (triệu đồng)
		luật và phổ biến giáo dục pháp luật				pháp luật	
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Phòng Bổ trợ và hành chính tư pháp	Văn phòng Sở; Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật	Giai đoạn 2022 - 2025	Giai đoạn 2022 - 2025	Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tỉnh Tuyên Quang	3.000
12	Xây dựng hệ thống chứng thực điện tử tỉnh Tuyên Quang	Phòng Bổ trợ và hành chính tư pháp	Văn phòng Sở; Phòng Xây dựng, kiểm tra, thi hành pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật	Giai đoạn 2022 - 2025	Giai đoạn 2022 - 2025	Hệ thống chứng thực điện tử tỉnh Tuyên Quang	500